

QUY CHẾ

Tuyển sinh trình độ cao đẳng Ngành Giáo dục mầm non

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐBK ngày tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Bắc Kạn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, đối tượng, phạm vi, phương thức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, nguyên tắc xét tuyển, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết các khiếu nại, tố cáo; chế độ thông tin, báo cáo; khen thưởng, kỷ luật trong công tác tuyển sinh.

b) Các quy định không có trong Quy chế này thì thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Tùy theo tình hình thực tế về công tác tuyển sinh, nhà trường sẽ bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị thuộc Trường, người đăng ký học trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào ngành đào tạo của Trường, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại Trường để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào ngành đào tạo, căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường xác định.

3. Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

4. Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu

về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành ngành đào tạo.

5. Tiêu chí đánh giá là những yếu tố được dùng trong kỳ thi, kiểm tra, đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của ngành đào tạo.

6. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên, điểm cộng.

7. Điểm trúng tuyển của ngành đào tạo là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành đào tạo) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

8. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.

9. Kỳ thi tuyển sinh là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc căn cứ chủ yếu phục vụ xét tuyển.

10. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các Trường.

11. Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT là giao diện website của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

12. Mã trường trong tuyển sinh là một mã số quy ước thống nhất trong toàn quốc dùng để định danh một cơ sở đào tạo. Mã Trường Cao đẳng Bắc Kạn là C11.

13. Mã xét tuyển (mà ngành) là một mã quy ước thống nhất trong Trường dùng để định danh một chương trình, ngành đào tạo có chỉ tiêu tuyển sinh riêng thuộc một mã trường. Mã xét tuyển trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non là 51140201.

14. Quy đổi tương đương là việc quy đổi ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do Trường quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của một chương trình, ngành đào tạo.

Chương II

TỔ CHỨC TUYỂN SINH

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) về cung cấp thông tin: Thí sinh quan tâm đến trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia dự tuyển;

b) về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới điều kiện đầu vào, trình độ, năng lực theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) về đánh giá năng lực: Thí sinh được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và trình độ cao đẳng ngành đào tạo Giáo dục Mầm non;

d) về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên dự tuyển;

đ) về thực hiện cam kết: Nhà trường tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa nhà trường và các cơ sở đào tạo khác

a) về hợp tác: Nhà trường và các cơ sở đào tạo khác trong cả nước hợp tác bình đẳng trong công tác xét tuyển nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

b) về cạnh tranh: Nhà trường cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong xét tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) về minh bạch thông tin: Nhà trường công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát (qua website, mạng xã hội của Trường quản lý);

b) về trách nhiệm giải trình: Nhà trường chịu trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân (nếu có).

Điều 4. Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

- Mã trường tuyển sinh: C11

- Tên ngành: Giáo dục Mầm non.

- Mã ngành/mã xét tuyển: 51140201.

- Tổ hợp môn xét tuyển: Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non: tổ hợp môn xét tuyển **C00, C03, C04, C19, C20, A07, A08, A09**

+ Tổ hợp môn xét tuyển 1 (C00): *Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí*

+ Tổ hợp môn xét tuyển 2 (C03): *Ngữ văn, Toán, Lịch sử*

+ Tổ hợp môn xét tuyển 3 (C04): *Ngữ văn, Toán, Địa lý*

+ Tổ hợp môn xét tuyển 4 (C19): *Ngữ văn, Lịch sử, GDKT và PL*

+ Tổ hợp môn xét tuyển 5 (C20): *Ngữ văn, Địa lý, GD&ĐT*

+ Tổ hợp môn xét tuyển 6 (A07): *Toán, Lịch Sử, Địa lý*

+ Tổ hợp môn xét tuyển 7 (A08): *Toán, Lịch Sử, GD&ĐT*

+ Tổ hợp môn xét tuyển 8 (A09): *Toán, Địa lý, GD&ĐT*

- Chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: **0** điểm

Điều 5. Đối tượng, phạm vi tuyển sinh

1. Đối tượng tuyển sinh

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành, nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hoá cấp THPT theo quy định của pháp luật.

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại khoản b, Điều 8 Quy chế này.

2. Phạm vi tuyển sinh

Thí sinh đã được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo quy định.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

a) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (mã phương thức 100) năm 2025: xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại tốt.

b) Kết hợp kết quả học tập cấp THPT (mã phương thức 200): (1) Xét tuyển kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xét loại từ khá trở lên), xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học THPT đạt loại tốt; (2) Hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT đạt từ 6,5 trở lên và xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học THPT đạt loại tốt.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông

thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ.

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] X Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Điều 8. Nguyên tắc xét tuyển, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào

1. Nguyên tắc xét tuyển: Xét tổng điểm (đã nhân hệ số - nếu có) + điểm ưu tiên khu vực + điểm đối tượng ưu tiên, được quy về thang điểm 30 (điểm ưu tiên thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này), xét từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng chỉ tiêu theo Thông tin tuyển sinh đã được phê duyệt. Trường hợp nếu thí sinh có tổng điểm bằng nhau, nguyên tắc xét tuyển như sau:

- (1) Thí sinh có điểm ưu tiên cao hơn;
- (2) Thí sinh có điểm xét tốt nghiệp cao hơn;
- (3) Thí sinh là người dân tộc thiểu số;
- (4) Thí sinh có điểm xếp loại học tập lớp 12 cao hơn;
- (5) Các trường hợp khác: Do HĐTS quyết định.

2. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Quy đổi tương đương: Quy đổi ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của mã xét tuyển, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình, đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Điều 9. Thủ tục đăng ký xét tuyển

1. Hồ sơ đăng ký

a) Thí sinh đăng ký xét tuyển nguyện vọng đợt 1 trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hình thức đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của Trường được quy định tại Điều 6 quy chế này; Thời gian đăng ký xét tuyển đợt 1 bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp; đăng ký xét tuyển trực tuyến trên hệ thống của Bộ GDĐT theo kế hoạch chung của Bộ.

b) Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2025 sử dụng phương thức xét kết

qua học tập THPT, sau khi đăng ký trên hệ thống của Bộ GDĐT phải nộp hồ sơ xét tuyển về trường trước ngày hết hạn đăng ký trên hệ thống của Bộ, hồ sơ xét tuyển gồm:

- + Bản sao công chứng Học bạ THPT hoặc tương đương;
- + Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- + Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có ưu tiên);
- Các đợt xét tuyển bổ sung (nếu có) được nhà trường thông báo công khai trên website Trường tại địa chỉ <http://cdbk.edu.vn>..

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

- Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;
- Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới nhà trường qua phòng Đào tạo. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả 12 tháng kể từ ngày xin bảo lưu, nhưng không ít hơn 3 năm đối với người quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của nhà trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục.

Điều 11. Thông tin tuyển sinh

1. Hàng năm Trường xây dựng, công bố và thực hiện thông tin tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh chứa đầy đủ thông tin làm căn cứ để:

- a) Thí sinh lựa chọn ngành đào tạo phù hợp với năng lực và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Trường;
- b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh bao gồm:

- a) Thông tin giới thiệu về Trường, ngành đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, đội ngũ nhà giáo, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết

quả kiểm định chất lượng, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỷ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp;

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với chương trình, ngành đào tạo; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường.

3. Trường thông báo tuyển sinh kèm theo công bố thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày. Riêng đối với quy tắc quy đổi tương đương, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

Chương III

XỬ LÝ THÔNG TIN PHẢN ÁNH VI PHẠM QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, LƯU TRỮ

Điều 12. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện công tác tuyển sinh

Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định cử viên chức thực hiện công tác thanh tra, giám sát công tác tuyển sinh nhằm bảo đảm công tác tuyển sinh được thực hiện theo đúng quy chế hiện hành.

Điều 13. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Hội đồng tuyển sinh Trường;

b) Thanh tra tuyển sinh và Thanh tra giáo dục các cấp.

2. Các bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.

3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tuyển sinh, nếu phát hiện những hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.

4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;

b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế tuyển sinh theo thông tin đã được cung cấp;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh;

d) Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

Điều 14. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh

Nhà trường sẽ giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh của Trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Nhà trường thực hiện chế độ báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của năm tuyển sinh trước ngày 31/12.

2. Thông tin về tuyển sinh của Trường được cập nhật, đăng tải công khai trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, website, mạng xã hội của Trường theo quy định.

Điều 16. Chế độ lưu trữ

1. Hồ sơ tuyển sinh được lưu trữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Các tài liệu khác liên quan đến công tác tuyển sinh, nhà trường bảo quản và lưu

trữ trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Khen thưởng

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh nhà trường khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng:

1. Những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Những người có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Điều 18. Xử lý cán bộ tuyển sinh và thí sinh dự thi vi phạm quy chế

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm Quy chế thi được xử lý theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Các trường hợp vi phạm về tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị áp dụng xử lý theo quy định hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành theo hiệu lực của Quyết định ban hành.
2. Hội đồng thi tuyển sinh, Ban Thư ký Hội đồng, các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện đúng quy định trong Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung thì phản ánh qua phòng Đào tạo để tổng hợp trình Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định./.

Phụ lục I
PHÂN CHIA KHU VỰC TUYỂN SINH
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II**ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN**

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm UT1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị di dạng, di tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm UT2</i>	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
	b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kmh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.